

PHONG CÁCH ĐA VĂN HÓA TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

ĐINH NGỌC THẠCH*

Phong cách đa văn hóa gắn với cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, thể hiện ở mấy nét chính: một là, phong cách đa văn hóa hình thành trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước, lợi ích dân tộc; hai là, phong cách đa văn hóa như sự gắn kết những giá trị truyền thống với tinh hoa nhân loại; ba là, phong cách đó gắn với sự kiên định phương pháp luận khoa học, sự nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin như một hệ thống mở. Việc tìm hiểu phong cách đa văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa thiết thực đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đặc biệt là quá trình xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện hiện nay.

Từ khóa: tư tưởng Hồ Chí Minh, phong cách đa văn hóa, hệ thống mở, hội nhập

Nhận bài ngày: 18/11/2022; đưa vào biên tập: 19/11/2022; phản biện: 30/11/2022; duyệt đăng: 10/01/2023

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phong cách đa văn hóa khác với chủ nghĩa đa văn hóa. Khái niệm “chủ nghĩa đa văn hóa” (Multiculturalism) biểu thị một phong trào, một đường lối hướng đến việc thừa nhận, bảo vệ, duy trì và phát triển những khác biệt văn hóa trong mỗi quốc gia và ở bình diện toàn cầu nói chung, nhằm chống lại quá trình đồng hóa văn hóa hay sự hòa tan, sự tha hóa bản sắc văn hóa

của một cộng đồng nhất định. Hình thành từ rất sớm tại các nước phương Tây, cách tiếp cận đa văn hóa hiện nay trở nên khá phổ biến trong bối cảnh toàn cầu hóa, song ở một vài trường hợp lại ảnh hưởng tiêu cực đối với tính thống nhất và sự ổn định quốc gia, nếu bị lôi cuốn vào vòng xoáy của “tự trị văn hóa”, thậm chí là chủ nghĩa cuồng tín (Fanaticism), chủ nghĩa biệt lập (Separatism) về mặt văn hóa (xem Đinh Ngọc Thạch, 2019: 117-119). Phong cách đa văn hóa có điểm chung với chủ nghĩa đa văn hóa ở khía cạnh tôn trọng tính đa dạng của

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

sáng tạo văn hóa, sự đối thoại văn hóa, đồng thời nhấn mạnh khía cạnh thứ hai trong đời sống cộng đồng – tiếp thu, tích hợp các giá trị từ bên ngoài trên nguyên tắc đảm bảo những giá trị nền tảng nội tại vốn có, gắn với hệ giá trị được tạo dựng trong chiều dài lịch sử dân tộc, ở đó mỗi cá nhân là phần không tách rời của cái toàn thể. Đa văn hóa trong trường hợp này có mối quan hệ hữu cơ với văn hóa khoan dung, làm nên những sắc thái mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Hồ Chí Minh là minh chứng cho tính cách ấy, được Người thể hiện trong suốt cuộc đời hoạt động không mệt mỏi vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

2. MỘT SỐ NỘI DUNG THỂ HIỆN PHONG CÁCH ĐA VĂN HÓA TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Hiểu biết nhiều nền văn hóa không hẳn là biểu hiện của tính cách đa văn hóa, mà đôi khi rơi vào tình trạng chiết trung, nếu hòa lẫn mọi thứ trong một hệ thống, loại bỏ những yếu tố khác biệt, đặc trưng cho từng sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ đa diện, đa chiều của chúng. Để hình thành phong cách đa văn hóa, đòi hỏi quá trình đón nhận, tìm hiểu những giá trị văn hóa khác nhau, đồng thời biết tích hợp và chọn lọc chúng trên những nguyên tắc và sự định hướng tư tưởng nhất quán. Điều này thể hiện một cách sâu sắc trong văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Việc hình thành và phổ biến phong cách đa văn hóa trong cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh

đã tạo nên hệ giá trị mới cho cách mạng Việt Nam, xuất phát từ những nét cơ bản của phong cách đó.

Thứ nhất, phong cách đa văn hóa của Hồ Chí Minh được hình thành trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Trong bối cảnh cả dân tộc bị rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp, nhu cầu cấp bách lúc ấy là tìm kiếm con đường cứu nước. Cuộc hành trình ra nước ngoài năm 1911 là bước đi đầu tiên của Nguyễn Tất Thành từ những bài học thành công và thất bại của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám, với ý nghĩ đơn giản là tìm kiếm con đường khác để “trở về giúp đồng bào chúng ta” (Trần Dân Tiên, 1995: 14). Từ thời điểm đó, phong cách đa văn hóa đã dần hình thành trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước, lợi ích dân tộc. Những năm đầu thế kỷ XX, tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc tiếp cận với nhiều dòng tư tưởng khác nhau và bước đầu hình thành phong cách tư duy độc lập, trong đó có tư duy chính trị (Trần Dân Tiên, 1995: 36-41). Nhưng chỉ đến khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin vào tháng 8 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc mới nhận thấy ở đó con đường giải phóng đúng đắn cho dân tộc. Sau này Người nhớ lại: “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 10: 128). Sự tham gia của Nguyễn Ái Quốc vào Đại hội

Tua (Tours) cuối tháng 12 năm 1920 và tán thành Quốc tế thứ III là kết quả tất yếu của sự lựa chọn chính trị xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống, và từng bước xác lập chủ thuyết giải phóng dân tộc, canh tân đất nước theo xu thế của thời đại. Lý do của sự lựa chọn chính trị đó là Quốc tế thứ III “đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 23). Bắt đầu từ đây, “sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 469).

Thứ hai, phong cách đa văn hóa được hình thành trên cơ sở gắn kết những giá trị truyền thống với tinh hoa nhân loại. Sự gắn kết này hàm chứa những nội dung mới, kết hợp bản sắc dân tộc và tinh hoa thời đại, cái đặc thù và cái phổ biến, truyền thống và hiện đại, lối ứng xử tinh tế và chuẩn mực. Hồ Chí Minh từng khiêm tốn xem mình là người kế thừa tư tưởng của những người đi trước, từ Phật tử, Khổng Tử, Giêsu, đến C. Mác, V.I. Lênin, Tôn Dật Tiên (Tôn Trung Sơn). Theo Người, Phật tử có tư tưởng đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn (Hồ Chí Minh, 2000, tập 5: 197), Khổng Tử có quan niệm về “nhân”, “lễ”, “chính danh” và “thiên hạ đại đồng”, Giêsu thì “cho loài người quyền tự do và dạy loài người lòng bác ái” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 5: 333).

Như một sự đúc kết, trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc* nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ

Chí Minh viết: “Cách mạng tháng Tám đã giải phóng đồng bào ta ra khỏi chế độ quân chủ chuyên chế và xiềng xích thực dân. Cách mạng tháng Tám đã xây dựng cho nhân dân ta cái nền tảng Dân chủ Cộng hòa và thống nhất độc lập. Noi gương Cách mạng 1776 của Mỹ, Cách mạng tháng Tám đấu tranh tự chủ chống ngoại xâm. Cũng như Cách mạng 1789 của Pháp, Cách mạng tháng Tám thực hành lý tưởng: Bình đẳng, Tự do, Bác ái. Theo gót Cách mạng 1911 của Tàu, Cách mạng tháng Tám thực hiện chủ nghĩa: Dân tộc, dân quyền, dân sinh” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 5: 187). Giá trị của cách mạng Mỹ năm 1776 và thông điệp của Abraham Lincoln về “chính quyền của dân, do dân và vì dân sẽ mãi mãi trường tồn” (xem BBT, 2018: 108) có thể tìm thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng được vận dụng vào điều kiện lịch sử cụ thể và định hướng phát triển riêng của mỗi quốc gia, không hòa lẫn.

Thứ ba, phong cách đa văn hóa của Hồ Chí Minh hình thành trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhờ có phương pháp luận đó, Hồ Chí Minh đã chắt lọc tinh hoa văn hóa nhân loại nhằm mục đích làm sâu sắc thêm giá trị cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo vào điều kiện Việt Nam. Hồ Chí Minh sử dụng tư tưởng Phật giáo, Nho gia kết hợp với văn phong giản dị, dễ hiểu nhằm làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin đến với các tầng

lớp nhân dân, biến những vấn đề lý luận cao siêu, trừu tượng thành cái phổ biến, có sức lan tỏa, ý tại ngôn ngoại, chân thành mà lắng đọng. Chẳng hạn, đề cao sức dân, Người nói “nhân định thắng thiên” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 9: 193); bàn về loại người có đức mà không có tài, Người ví như ông Bụt, không hại ai nhưng cũng chẳng làm được gì (Hồ Chí Minh, 2000, tập 9: 172). Vượt qua điều kiện vật chất thiếu thốn khi bị giam trong nhà tù Quốc dân đảng, Người cảm ơn “Đức Phật tổ đại từ đại bi” (Trần Dân Tiên, 1995: 106). Thông qua việc tiếp thu tư tưởng khai sáng Pháp, Hồ Chí Minh hiểu được ý nghĩa của quan niệm về “tính chất thần linh” của pháp quyền và nhắc đến bằng những cách thức khác nhau. Trong *Việt Nam yêu cầu ca*, Người nhấn mạnh “trăm điều phải có *thần linh pháp quyền*” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 438). Trong *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau khi nhắc đến *Tuyên ngôn độc lập* của Hoa Kỳ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp, Người khẳng định các quyền cơ bản do *Tạo hóa* ban cho có tính chất thiêng liêng, bất khả xâm phạm, và rằng, cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 do nhân dân ta thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là sự khôi phục trọn vẹn các quyền “không ai chối cãi được”, nhưng đã bị thực dân Pháp xuyên tạc trong suốt 80 năm đô hộ (xem Hồ Chí Minh, 2000, tập 4: 1-4). “Thần linh pháp quyền”, hay “pháp

quyền có tính thần linh” là những điển đạt của tự nhiên thần luận, nhằm khẳng định tính chất thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các giá trị do *Tạo hóa* ban cho con người. Quan điểm này được thể hiện khá rõ nét trong quan điểm triết học chính trị của T. Hobbes, J. Locke, I. Kant, G.W.F. Hegel. C. Mác viết trong tác phẩm *Gia đình thần thánh*⁽¹⁾: “Tự nhiên thần luận, ít ra là đối với nhà duy vật, chỉ là một phương pháp thuận tiện và dễ dàng để thoát khỏi tôn giáo” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2004, tập 2: 197). Tư tưởng “thần linh pháp quyền” mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh trên cơ sở tiếp thu tinh hoa chính trị nhân loại có ý nghĩa to lớn trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phương pháp luận khoa học là cơ sở để vượt qua cách suy nghĩ một chiều, đón nhận cái hay, cái tốt từ bốn phương nhằm phát triển đất nước. V.I. Lênin, vào năm 1923, từng nhấn mạnh sự cần thiết “thay đổi căn bản toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội” (Lênin, 1981, tập 45: 428). Quan điểm về chủ nghĩa xã hội cần được thay đổi vì, theo Lênin, *thứ nhất*, chúng ta không thể duy trì mãi lối tư duy thời chiến trong điều kiện hòa bình; *thứ hai*, cần thay đổi tư duy để không bị xem là phát triển trong “một nước kém văn hóa”. Sự nghiệp đổi mới tại Việt Nam hiện nay, với đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, làm bạn với tất cả, trên nền tảng bảo vệ lợi ích dân tộc chính

đáng, cũng chính là sự thể hiện tính mở của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là một cách tiếp cận đa văn hóa trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Năm 1924, trong một bài viết gửi Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự cần thiết “bổ sung cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng “dân tộc học phương Đông” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 466), tức khoa học về truyền thống, bản sắc, phong tục, tập quán, thói quen, lối sống, tâm lý của người phương Đông. Tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin cho các dân tộc thông qua sự vận dụng sáng tạo và phát triển các nguyên lý cơ bản của nó trong điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước – đó là nhu cầu và mệnh lệnh lịch sử, và cũng là minh chứng cho tính mở của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong đấu tranh tư tưởng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đánh giá các học thuyết, quan điểm khác một cách rõ ràng, có tính nguyên tắc, nhưng không lẫn lộn thế giới quan và nhân cách, yếu tố tri thức và yếu tố giá trị. Yếu tố giá trị thể hiện ở chỗ, cần xác định vị trí của một học thuyết trong đời sống xã hội, vai trò của nó đối với hoàn thiện nhân cách, đạo đức con người. Việc kết hợp hai cách đánh giá các học thuyết triết học ngoài mácxít, đánh giá từ góc độ thế giới quan - phương pháp luận và đánh giá từ góc độ văn hóa - giá trị là điều cần thiết. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng thể hiện sự kết hợp này trong những điều

kiện khác nhau. Chẳng hạn, Bertrand Russell và Jean Paul Sartre là những tên tuổi lớn của chủ nghĩa thực chứng mới và chủ nghĩa hiện sinh. Tuy nhiên, ở bình diện chính trị - xã hội và văn hóa, hai ông là những nhà hoạt động xã hội kiệt xuất, những biểu tượng của “văn hóa hòa bình”, những người đồng sáng lập Tòa án Quốc tế, xét xử tội ác chiến tranh xâm lược, kêu gọi văn hòa hòa bình ở Việt Nam. Chính vì thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trân trọng viết thư cảm ơn họ, tri ân những đóng góp của họ cho sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam (xem Hồ Chí Minh, 2000, tập 12: 558-559). Như vậy, phong cách đa văn hóa ở Hồ Chí Minh còn kết hợp một cách tinh tế với văn hóa khoan dung của người Việt, với ý nghĩa rất rộng là kiên trì đối thoại, tôn trọng cái khác biệt, tiếp thu, tiếp biến các giá trị bên ngoài, và, như tuyên bố của Liên Hợp quốc trong năm Quốc tế về Khoan dung, “thay thế văn hóa chiến tranh bằng văn hóa hòa bình” (UNESCO, 1995).

3. Ý NGHĨA CỦA SỰ NHẬN THỨC VỀ PHONG CÁCH ĐA VĂN HÓA TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Sự thống nhất cách tiếp cận khoa học, duy vật biện chứng và cách tiếp cận tri thức - giá trị trong việc đánh giá các tư tưởng, học thuyết, thực tiễn chính trị - xã hội thế giới và Việt Nam đưa Hồ Chí Minh đi đến xác lập hệ thống tư tưởng vừa khoa học, vừa đại chúng, vừa có tính cách mạng, vừa giàu tính

nhân văn, định hướng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Nhận thức về phong cách đa văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành hệ giá trị của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, giành độc lập và xây dựng đất nước. Ngày nay, trong điều kiện lịch sử mới, phong cách đó tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo trên cơ sở nắm vững biện chứng giữa tính phổ biến và tính đặc thù, giữa tích cực và chủ động hội nhập quốc tế với việc giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống, và sau cùng là biện chứng giai cấp - dân tộc - nhân loại trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong diện mạo văn hóa của chủ nghĩa Mác - Lênin bao hàm nguyên tắc kế thừa và phát triển, sự đánh giá nghiêm túc và khoa học di sản văn hóa tinh thần nhân loại, được cô đọng trong các học thuyết triết học từ cổ đại đến cận đại, việc xác định triết học như “tinh hoa về mặt tinh thần của thời đại”, “linh hồn sống của văn hóa” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2002, tập 1: 157). Quy luật kế thừa và phát triển các giá trị văn hóa nhân loại cũng được V.I. Lênin nhấn mạnh trong bài phát biểu vào năm 1920 nhằm chống lại chủ nghĩa hư vô văn hóa của phái “Văn hóa vô sản” (Proletkult), là thứ quan điểm chối bỏ di sản của quá khứ, chủ trương xác lập thứ văn hóa “thuần túy vô sản”, đoạn tuyệt với cái gọi là “sản phẩm của chế độ cũ” (xem Lênin,

1981, tập 41: 361-364, 376). Trên tinh thần đó, sự thống nhất cách tiếp cận tri thức và cách tiếp cận giá trị đã được Hồ Chí Minh thể hiện ngay từ thời kỳ bôn ba tìm đường cứu nước, và nâng lên thành một phong cách đặc trưng trong nhận thức và xử lý văn hóa, trước hết là văn hóa chính trị.

Nhận thức về phong cách đa văn hóa trong văn hóa chính trị Hồ Chí Minh có ý nghĩa sâu sắc trong cuộc đấu tranh chống quan điểm bảo thủ, giáo điều, hiện tượng “cố chấp bản sắc”, nghĩa là phản ứng tiêu cực đối với các giá trị từ bên ngoài, tuyệt đối hóa tính đặc thù, xem nhẹ hay gạt bỏ tính phổ biến trong mối quan hệ tính phổ biến - tính đặc thù. Hiện tượng “cố chấp bản sắc” và “tha hóa bản sắc” phản ánh những thái độ đối lập nhau trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người trước những thách thức của toàn cầu hóa. Đối với hiện tượng thứ nhất sự nhận thức về bản sắc dân tộc bị quy về chủ nghĩa biệt lập văn hóa, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi trong văn hóa. Hiện tượng thứ hai dẫn đến sự đánh mất cái tôi dân tộc, xa rời nguồn cội trước sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai. Cả hai hiện tượng đó đều trái ngược với tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về sự cần thiết giữ gìn giá trị truyền thống của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa duy tâm về chính trị đã được Đảng Cộng sản Việt Nam

nhận diện, phê phán trong Đại hội lần thứ VI (xem Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987: 27). Từ Đại hội lần thứ VI đến nay, sự nghiệp đổi mới đất nước gắn liền với quá trình “nhận thức lại”, trong đó có nhận thức về sự thống nhất mục tiêu dân tộc và mục tiêu thời đại. Tại Đại hội lần thứ XIII, quan điểm đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở lợi ích dân tộc được khẳng định một lần nữa: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 117-118).

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tác động đa chiều đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nên những thay đổi lớn trong kinh tế, văn hóa, giáo dục. Việc nhận thức và xử lý tinh huống phát sinh trên tinh thần hiểu biết bản chất của sự vật trong điều kiện hiện nay là nhu cầu tất yếu, bởi lẽ “sự va chạm các làn sóng” là một hiện tượng phổ biến, khó tránh khỏi. Phong cách đa văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp với văn hóa khoan dung truyền thống của người Việt, mà cốt lõi của nó là chấp nhận sự khác biệt, thúc đẩy, khuyến khích đối thoại, giao lưu, hợp tác, cùng tồn tại hòa bình, đòi hỏi khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều và tư duy phân cực máy móc theo kiểu

“địch - ta”, “trắng - đen” trong không gian mở của toàn cầu hóa. Lễ đương nhiên, không tồn tại một thứ “chất”, hay bản sắc Việt Nam “thuần túy”, độc nhất vô nhị, bởi lẽ bản sắc, nghĩa là yếu tố được chất lọc, được rút ra qua kinh nghiệm lịch sử để làm nên đặc trưng của một dân tộc không phải là cái ngưng đọng, khép kín, mà luôn luôn chịu sự thẩm định khắt khe của thực tiễn, được “làm mới” cho phù hợp với yêu cầu của thời đại, nhưng vẫn giữ được hạt nhân cơ bản. Điều đáng lo ngại về sự đánh mất “nguyên chất” không chỉ bởi sự mất gốc, sự lai căng, mà cả sự bảo thủ và cố chấp, không biết tiếp thu và tiếp biến những yếu tố tác động từ bên ngoài để làm cho cái “nguyên chất” luôn luôn xứng đáng là yếu tố nội sinh tích cực trong suy nghĩ và hành động. Quá trình tự tạo dựng kết hợp với tiếp thu, tiếp biến các yếu tố bên ngoài để làm phong phú giá trị hiện có đã trở thành tính quy luật không riêng gì đối với Việt Nam, như Trần Quốc Vượng (2006: 278) từng nhận định: “Không một nền văn hóa nào dù lớn dù nhỏ mà không có sự vay mượn một số nhân tố của các nền văn hóa khác”. Sự vay mượn từ bên ngoài có thể làm lệch phần nào yếu tố “nguyên mẫu”, song đó lại là biện chứng của sự tích hợp và tiếp biến giá trị theo phong cách Hồ Chí Minh.

Ngày nay, thế giới đã “được làm phẳng”, “trao quyền cho các cá nhân” (xem Friedman, 2006: 27), đôi khi tạo nên những cú sốc trong nhận thức

của con người, kiểu như “cú sốc tương lai” mà A. Toffler (2002: 1, 38) từng đề cập trong một tác phẩm của ông vào những năm 70 của thế kỷ XX, với việc tạo nên những người chống lại hoặc chạy trốn khỏi sự thay đổi, vì “tương lai đến nhanh quá”. Khoảng cách giữa các khu vực, các quốc gia đã được thu hẹp lại, góp phần làm giảm bớt sự chênh lệch trong cách thức đón nhận và sử dụng các thành quả của khoa học và công nghệ. Mặc dù đâu đó vẫn còn hiện tượng “thế giới không phẳng” vì những khác biệt quá lớn trong thu nhập, chất lượng sống, sự thất vọng, những “khoảng trống chính trị”, bi quan, đau khổ, và cả sự giận dữ không kiểm soát của các sắc tộc, nhóm, cộng đồng người (xem Friedman, 2006: 27, 661-672, 681, 687-708...), song xu hướng chung là sự chung tay của nhân loại vì hành tinh xanh, vì hòa bình, ổn định. Tương tự, cùng với toàn cầu hóa, hiện tượng chống toàn cầu hóa đang trở thành mối lo ngại ngay cả ở những nước phát triển, đặt ra khả năng xác định “ranh giới bản thể học của toàn cầu hóa”, song cơ hội của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đối với các quốc gia, với sự ra đời các “hình mẫu” khu vực, thế giới, các “thành phố toàn cầu”, các trung tâm thu hút nguồn lực vì mục tiêu nhân văn là xu thế tất yếu (xem Nhiều tác giả, 2005: 22, 26-27).

Như vậy, quan điểm phát triển đất nước trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, ngoài việc tính đến

đặc thù dân tộc, văn hóa, cần chú trọng nhiều hơn đến độ mở của nó trong tiến trình hội nhập, kết hợp kinh nghiệm thực tế và yếu tố “bùng nổ”, nhạy bén nắm bắt cái mới, phù hợp với xu thế của thời đại. Đó là sự vận dụng sáng tạo phong cách đa văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế. Cụm từ “đa văn hóa” trong thời hội nhập không nên hiểu như sự lắp ghép bề nổi những sắc thái văn hóa khác nhau từ nhiều nguồn, mà gắn với *ý thức hội nhập*, sự kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại trong mỗi một chiến lược, chính sách phát triển. Tích hợp văn hóa Đông - Tây trên cơ sở nắm vững phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã tạo nên phong cách đa văn hóa trong văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Hiểu đúng tư tưởng đó của Hồ Chí Minh để đưa yếu tố “đa văn hóa” vào quan điểm phát triển của đất nước là điều nên được tính đến một cách toàn diện và thực sự đột phá. Trong chiến lược phát triển tổng thể, bản thân văn hóa cũng được hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa là sự cộng hưởng các yếu tố góp phần làm nên một diện mạo văn hóa - phát triển phù hợp với thực tiễn xã hội luôn biến đổi, trong đó có cả yếu tố kinh tế - kỹ thuật và kinh tế - xã hội. Trong văn hóa, sự tiếp thu các giá trị từ bên ngoài có thể làm lệch phần nào yếu tố “nguyên mẫu”, song đó lại là biện chứng của sự tích hợp và tiếp biến giá trị, làm cho các lớp giá trị của văn hóa kết hợp hài hòa, hướng đến phúc lợi của nhân dân, hay nền “chính

trị dân quyền”, như Bác Hồ nêu ra (Hồ Chí Minh, 2000, tập 2: 197, 431).

4. THAY LỜI KẾT

Trong một cuốn sách về Chủ tịch Hồ Chí Minh, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1991: 98) nhấn mạnh: “Muốn thấy hết những gì làm nên con người Hồ Chí Minh thì phải thấy dân tộc Việt Nam với tất cả lịch sử của nó cho đến đầu thế kỷ này (thế kỷ XX - TG)”, đó là một dân tộc “luôn luôn mở rộng trái tim và khối óc để đón nhận cái hay và cái mới từ bốn phương, biến thành giá trị của chính mình” (Phạm Văn Đồng, 1991: 81). Đánh giá cô đọng đó đã nói

lên tính cách Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động không mệt mỏi vì độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Phong cách đa văn hóa của Hồ Chí Minh hình thành trên nền chung của chủ nghĩa yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, văn hóa khoan dung Việt Nam, sự kết hợp bản sắc truyền thống và tinh hoa nhân loại. Học tập phong cách đó trong quá trình phát triển đất nước hiện nay đòi hỏi cả bản lĩnh và sự nhạy bén chính trị, biến tư tưởng mang tính định hướng ấy của Người thành chiến lược phát triển toàn diện trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế. □

CHÚ THÍCH

(1) Đây là công trình viết chung đầu tiên của C. Mác và Ph. Ăngghen vào mùa Xuân năm 1845. Trong công trình này có sự phân công giữa hai ông về các nội dung cần soạn thảo.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1987. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
3. Đinh Ngọc Thạch (chủ biên). 2019. *Triết học chính trị phương Tây hiện đại – giá trị và ý nghĩa*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
4. Friedman Thomas L. 2006. *Thế giới phẳng*. Dịch: Nguyễn Quang A, Nguyễn Hồng Quang, Vũ Duy Thành, Lã Việt Hà, Lê Hồng Vân, Hà Thị Thanh Huyền. TPHCM: Nxb. Trẻ.
5. Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập – tập 1, 2, 4, 5, 9, 10, 12*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Lênin V.I. 1981. *Toàn tập – tập 41, 45*. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
7. C. Mác và Ph. Ăngghen. 2004. *Toàn tập – tập 2*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. Nhiều tác giả. 1998. *300 năm Sài Gòn - TPHCM*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
9. Nhiều tác giả. 2005. *Toàn cầu hóa chuyển đổi và tiếp cận đa chiều*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

1. Phạm Văn Đồng. 1991. *Hồ Chí Minh – Quá khứ, hiện tại và tương lai*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
11. Toffler Alvin. 2002. *Cú sốc tương lai*. Nguyễn Văn Trung dịch. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
12. BBT (tuyển chọn). 2018. *Tổng thống Mỹ - Những bài diễn văn nổi tiếng* (sách dịch). Hà Nội: Nxb. Thế giới.
13. Trần Dân Tiên. 1995. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
14. Trần Quốc Vượng. 2006. *Thăng Long Hà Nội, tìm tòi và suy ngẫm*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa.
15. Trịnh Hoài Đức. 1972. *Gia Định thành thông chí*. Sài Gòn: Phủ Quốc Vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản.
16. UNESCO. 1995. “Tuyên ngôn về nguyên tắc khoan dung” (Declaration of Principles on Tolerance). http://portal.unesco.org/en/ev.php-URL_ID=13175&URL_DO=DO_TOPIC&URL_SECTION=201.html, truy cập ngày 20/5/2022.